

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH NHAI
TỈNH SƠN LA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07-9-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH NHAI, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vừ A Chứ.
2. Ông Nguyễn Mạnh Cường.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Cầm Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên Tòa: Ông Lữ Văn Minh – Kiểm Sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐHPT – HNGĐ ngày 26/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐHPT – HNGĐ ngày 26/6/2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần 2 số 04/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐHPT – HNGĐ ngày 26/7/2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần 3 số 06/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 23/8/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Vàng Thị D, sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT: Bản H, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La.

Nơi ở hiện nay: Bản H1, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt có lý do.

2. Bị đơn: Anh Lý A T, sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: Bản H, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La.

Hiện đang cải tạo tại: K3, trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vàng Thị D trình bày:

Chị và anh Lý A T tự nguyện tìm hiểu và về chung sống như vợ chồng từ năm 2004 mà không đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương.

Sau một thời gian chung sống, đến năm 2007 anh Lý A T mắc nghiện ma túy, không quan tâm chăm lo đến nhà cửa, kinh tế và cuộc sống của gia đình, ngoài ra còn thường xuyên mang đồ đạc, tài sản trong nhà đi bán để lấy tiền đổi ma túy, tuy được vợ can ngăn nhưng anh T không nghe, còn có hành vi chửi mắng, đánh đập vợ. Đến năm 2015 anh Lý A T bị bắt và xét xử vì tội tàng trữ ma túy, bị tuyên án phạt 16 năm tù và thi hành án tại trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Sau khi chồng chấp hành án chị D đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại Than Uyên, Lai Châu sinh sống.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ nên chị D đề nghị Tòa án được ly hôn với anh Lý A T.

Về con chung: Chị D và anh T có 03 con chung tên Lý A V sinh năm 2008, Lý Thị P sinh năm 2009, Lý A De sinh năm 2011, hiện các cháu đang sống cùng chú ruột là tại bản H, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Sau khi ly hôn, do anh T đang ở trong trại chấp hành án, không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng hoặc cấp dưỡng cho các con nên chị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Đối với tài sản chung, chị D và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có

Tại văn biên bản ghi lời khai ngày 02/04/2021 và tại buổi hòa giải ngày 02/04/2021, bị đơn anh Lý A T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về thời điểm chung sống, lấy nhau nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và con chung.

Sau khi làm đám cưới theo phong tục tập quán, anh và chị D chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì anh bị bắt và xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy, và bị tuyên án 16 năm tù. Nay vợ anh xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Đối với yêu cầu được nuôi 03 con chung của chị D anh

không đồng ý. Hiện nay anh đang chấp hành án không trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng được 03 cháu nhưng anh sẽ để 03 cháu cho em trai là Lý A Tráng, trú tại bản H, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La nuôi hộ, không đồng ý để chị D mang các cháu về Than Uyên, Lai Châu nuôi dưỡng, sinh sống.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án xác minh được như sau: Tại công văn số 61/CV – UBND ngày 29/4/2021 của UBND xã M trả lời TAND huyện Q về việc đề nghị kiểm tra, xác minh hồ sơ lưu trữ hộ khẩu, hộ tịch đã xác định: Công dân Vàng Thị D và Lý A T có Đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện Q, công dân Lý A T hiện đang thụ lý án tại Trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Chị Vàng Thị D và anh Lý A T có 03 con chung là Lý A Vsinh năm 2008, Lý Thị P sinh năm 2009, Lý A De sinh năm 2011, đều là các nhân khẩu trong hộ khẩu của chủ hộ Lý A T có số hộ khẩu số 530081562 cấp ngày 10/10/2011, hiện cả ba cháu đang ở cùng chú ruột tên là Lý A Tráng, trú tại bản H, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Công dân Vàng thị D và Lý A T qua kiểm tra, xác minh không có hồ sơ đăng ký kết hôn tại UBND xã M.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 25/03/2021 lấy ý kiến các cháu Lý A Vàng, Lý Thị Pạng, Lý A De, các cháu cho biết nếu bố mẹ ly hôn cả ba cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn do đang chấp hành án tù nên vắng mặt, đề nghị giữ nguyên yêu cầu tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 02/4/2021.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án:

Do chị Vàng Thị D và anh Lý A T lấy nhau không có đăng ký kết hôn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT- TANDTC-

VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Quốc hội về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vàng Thị D, tuyên bố chị Vàng Thị D và anh Lý A T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Lý A V sinh năm 2008, Lý Thị P sinh năm 2009, Lý A De sinh năm 2011 cho chị Vàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Lý A T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Do chị D và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với nợ chung: Không có do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Vàng Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung đối với anh Lý A T, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Lý A T có nơi cư trú cuối cùng trước khi chấp hành án là bản H, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[3] Nguyên đơn Vàng Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn Xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lý A T vắng mặt tại phiên tòa do đang chấp hành án tại trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, nhưng đã có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại biên bản hòa giải ngày 02 tháng 4 năm 2021. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo nguyên đơn và bị đơn trình bày, Chị D và anh T chung sống với nhau từ năm 2004 đến nay nhưng chỉ làm đám cưới theo phong tục tập quán, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại công văn số 61/CV – UBND ngày 29/4/2021 của UBND xã M trả lời TAND huyện Q về việc đề nghị kiểm tra, xác minh hồ sơ lưu trữ hộ khẩu, hộ tịch đã xác định Công dân Vàng thị D và Lý A T qua kiểm tra, xác minh không có hồ sơ đăng ký kết hôn tại UBND

xã M. Như vậy việc chị D và anh T chung sống với nhau từ năm 2004 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm luật hôn nhân và gia đình. Việc anh chị không đăng ký kết hôn không làm phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quan hệ hôn nhân giữa anh chị không được pháp luật công nhận. Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Quốc hội về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị D và anh Lý A T.

[5] Về con chung:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, chị Vàng Thị D có ý kiến xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 03 con chung là các cháu: Lý A V sinh năm 2008, Lý Thị P sinh năm 2009, Lý A De sinh năm 2011, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T có ý kiến: Hiện nay anh đang chấp hành án không trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng được 03 cháu nhưng anh sẽ để 3 cháu cho em trai là Lý A T nuôi hộ, không đồng ý giao các con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Hội đồng xét xử xét thấy, do anh Lý A T đang chấp hành án tại trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, thời hạn chấp hành án còn lại là 10 năm, anh T không thể đảm bảo việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Mặt khác các cháu Vàng, Pạng, De còn nhỏ, cần được sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ và các cháu cũng có nguyện vọng muốn được sống chung cùng mẹ, chị D có nghề nghiệp trồng trọt và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dạy cả 03 con chung. Việc anh T đề nghị giao các cháu cho chú ruột trực tiếp nuôi dưỡng trong khi mẹ đẻ có nguyện vọng và đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu và các cháu cùng có nguyện vọng ở với mẹ là không hợp lý.

Do đó căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Lý A V sinh năm 2008, Lý Thị P sinh năm 2009, Lý A De sinh năm 2011 cho mẹ là chị Vàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Lý A T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, có quyền yêu cầu về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về khoản nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Vàng Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

[9] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q là phù hợp nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Quốc hội về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vàng Thị D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị D và anh Lý A T.

3. Về con chung: Giao các con chung là cháu Lý A Vsinh năm 2008, Lý Thị P sinh năm 2009, Lý A De sinh năm 2011 cho mẹ là chị Vàng Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Lý A T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, có quyền yêu cầu về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị D không yêu cầu anh Lý A T cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Vàng Thị D phải chịu **300.000 (ba trăm nghìn)** đồng án phí hôn nhân và

gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chi D đã nộp theo Biên lai thu số 0000573 ngày 12/03/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Q.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THA Dân sự huyện Q;
- UBND xã M, huyện Q;
- UBND xã Ta Gia, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hương